BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 373/QĐ-CĐCT, ngày 13 tháng 05 năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm70% học phí	Ký nhận
	KHÓA 48 (2024 - 2027) NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY					**73**					
1	Nguyễn A Phi	10/10/2003	CCQ2404A	2124040001	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
2	Lê Phước Lợi	16/05/2000	CCQ2404A	2124040002	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
3	Lê Huỳnh Thanh Sang	01/12/2006	CCQ2404A	2124040004	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
4	Trương Chí Quốc	13/05/2003	CCQ2404A	2124040005	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
5	Mai Ngọc Huy	30/01/2006	CCQ2404A	2124040007	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
6	Vũ Hải Đăng	28/09/2006	CCQ2404A	2124040008	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
7	Đặng Hồ Thanh Phương	28/12/2006	CCQ2404A	2124040009	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
8	Phạm Lữ Hoài Phương	30/09/2006	CCQ2404A	2124040010	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
9	Dương Trung Kiên	15/08/2006	CCQ2404A	2124040011	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
10	Lê Trung Nhân	08/02/2000	CCQ2404A	2124040012	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
11	Bùi Xuân Đức	09/04/2006	CCQ2404A	2124040013	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	

12	Trần Chí Bảo	15/01/2006	CCQ2404A	2124040014	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
13	Bùi Tuấn Khang	25/05/2006	CCQ2404A	2124040015	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
14	Lê Anh Khoa	04/11/2006	CCQ2404A	2124040016	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
15	Nguyễn Đỗ Duy Khang	23/01/2006	CCQ2404A	2124040020	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
16	Đinh Trọng Huyên	31/08/2006	CCQ2404A	2124040021	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
17	Trần Văn Huy	12/10/2006	CCQ2404A	2124040022	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
18	Lê Đức Thơ	11/07/2005	CCQ2404A	2124040023	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
19	Trần Hoàng Nhân	24/08/2006	CCQ2404A	2124040024	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
20	Lê Minh Phương	27/01/2006	CCQ2404A	2124040025	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
21	Nguyễn Quân	07/04/2006	CCQ2404A	2124040027	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
22	Huỳnh Văn Hiền	15/02/2006	CCQ2404A	2124040028	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
23	Trần Gia Thoại	16/08/2006	CCQ2404A	2124040029	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
24	Nguyễn Anh Khoa	30/04/2006	CCQ2404A	2124040030	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
25	Nguyễn Hoàng Việt	10/05/2006	CCQ2404A	2124040031	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
26	Trần Nguyễn Nhật Phi	31/10/2006	CCQ2404A	2124040033	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
27	Nguyễn Thanh Phúc	31/12/2006	CCQ2404A	2124040035	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
28	Lê Trần Tiến	02/01/2006	CCQ2404B	2124040038	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
29	Trần Văn Hoàn	26/02/2006	CCQ2404B	2124040040	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
30	Nguyễn Thành Nhật	05/03/2006	CCQ2404B	2124040041	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	

31	Nguyễn Văn Kiệt	03/11/2006	CCQ2404B	2124040045	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
32	Ngô Đức Hải	13/04/2006	CCQ2404B	2124040046	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
33	Huỳnh Tấn Kiên	04/05/2006	CCQ2404B	2124040048	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
34	Nguyễn Văn Thuận	13/03/2006	CCQ2404B	2124040051	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
35	Nguyễn Tiến Đạt	11/09/2006	CCQ2404B	2124040052	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
36	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	30/09/2006	CCQ2404B	2124040057	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
37	Hồ Trần Phú	21/09/2006	CCQ2404B	2124040058	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
38	Trương Thanh Tính	26/09/2005	CCQ2404B	2124040059	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
39	Trần Lê Bảo Minh	03/08/2006	CCQ2404B	2124040060	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
40	Nguyễn Duy Nhất	01/01/2006	CCQ2404B	2124040061	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
41	Nguyễn Minh Khoa	25/08/2006	CCQ2404B	2124040063	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
42	Ngô Quang Huy	11/11/2006	CCQ2404B	2124040064	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
43	Nguyễn Đức Huy	15/01/2006	CCQ2404B	2124040068	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
44	Lê Đăng Sơn	28/10/2006	CCQ2404B	2124040069	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
45	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	24/11/2005	CCQ2404C	2124040071	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
46	Võ Minh Đức	27/11/2006	CCQ2404C	2124040072	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
47	Võ Nguyên Hạo	02/10/2006	CCQ2404C	2124040073	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
48	Bùi Ngọc Thắng	05/01/2006	CCQ2404C	2124040074	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
49	Lê Hoàng Đình Thức	12/09/2002	CCQ2404C	2124040075	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	

50	Trần Minh Vũ	15/09/2006	CCQ2404C	2124040076	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
51	Nguyễn Văn Tài	05/03/2006	CCQ2404C	2124040077	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
52	Nguyễn Đình Văn Trường	12/01/2006	CCQ2404C	2124040078	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
53	Nguyễn Thành Duy	14/07/2006	CCQ2404C	2124040082	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
54	Lê Minh Lực	06/06/2002	CCQ2404C	2124040083	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
55	Phạm Hữu Tài	03/02/2006	CCQ2404C	2124040089	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
56	Mai Đức Huy	24/06/2006	CCQ2404C	2124040091	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
57	Trần Nhật Huy	25/02/2005	CCQ2404B	2124040095	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
58	Cao Quang Thương	24/10/2006	CCQ2404C	2124040097	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
59	Võ Tấn Đạt	18/12/2005	CCQ2404C	2124040098	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
60	Đỗ Anh Phi	20/12/2006	CCQ2404C	2124040099	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
61	Lưu Văn Thuận	21/05/2005	CCQ2404C	2124040101	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
62	Vũ Thành Tâm	14/11/2006	CCQ2404C	2124040102	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
63	Phan Thành Danh	18/04/1997	CCQ2404C	2124040103	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
64	Hồ Hải Đăng	06/10/2006	CCQ2404C	2124040104	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
65	Hồ Trường Hùng	10/04/2006	CCQ2404C	2124040105	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
66	Nguyễn Trần Đức Thiên	22/03/2006	CCQ2404C	2124040106	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
67	Nguyễn Thanh Nghiêm	10/09/2006	CCQ2404C	2124040109	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
68	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	16/04/2006	CCQ2404A	2124040110	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	

69	Dương Công Thạch	13/07/2005	CCQ2404C	2124040111	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
70	Nguyễn Phú Duy Đức	14/11/2006	CCQ2404C	2124040112	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
71	Trương Văn Trí	28/11/2001	CCQ2404C	2124040113	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
72	Võ Công Nguyên	29/09/2005	CCQ2404D	2124040114	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
73	Nguyễn Thành Vương	20/05/2006	CCQ2404D	2124040116	Ngành học nặng nhọc, độc hại,	6510212	1,450,000	5	5,075,000	Giảm 70%	
TỔNG CỘNG									**370,475,000**		

Số tiền bằng chữ: Ba trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2025

Người lập	PHÒNG CTSV	KẾ TOÁN TRƯỞNG	HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Thu Hiền	*Lê Quang Vinh*	*Lê Thị Tâm*	*Bùi Mạnh Tuân*

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH